

VỀ CHÍNH SÁCH TỰ DO TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

(Tiếp theo kì trước)

ĐẶNG NGHIÊM VẠN^(*)

4. GIẢI QUYẾT TỐT VẤN ĐỀ TÔN GIÁO PHẢI ĐẶT TRONG VẤN ĐỀ VĂN HÓA

Mỗi dân tộc đều có một nền văn hóa của mình, thân thương và trân trọng, là nòng cốt để cố kết dân tộc và là cơ sở để dân tộc đó cảm thấy mình còn tồn tại. Ngôn ngữ còn, văn hóa còn; văn hóa còn, dân tộc còn. Đứt đoạn văn hóa, vứt bỏ văn hóa, dân tộc có thể còn nhưng là một dân tộc khác lạ, một dân tộc bị đồng hoá, mất sức sống và không bình thường. Văn hóa dân tộc thay đổi theo những biến thiên lịch sử, nhưng dù thay đổi thế nào cũng phải theo một truyền thống nhất định. Truyền thống đó như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt từ quá khứ qua hiện tại cho đến tương lai. Tôn giáo là một bộ phận văn hóa, một bộ phận nít chặt với quá khứ, chậm thay đổi so với thực tiễn, lại gắn liền với cái thiêng liêng của một dân tộc.

Nội dung tôn giáo của một dân tộc lại có tác động qua lại đến nội dung và hình thức các loại hình văn hóa khác của dân tộc đó, nhất là các loại hình văn hóa phi vật thể, đến lối sống, thế ứng xử, phong tục, tập quán, văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc, hội họa... Một tôn giáo ngoại sinh buộc phải hội nhập, làm giàu thêm cho văn hóa dân tộc, phải chịu tác động ngược lại của văn hóa dân tộc, nếu không, cho dù có tồn tại, vẫn

sẽ chỉ là một vật lạ không hơn không kém. Thực tiễn cho thấy, các đạo Phật, Nho, Đạo qua thời gian đã mang đậm sắc thái Việt Nam, trở thành một bộ phận của nền văn hóa đó, thậm chí có những học giả lầm tưởng hoặc không phân định rành rẽ cho là Việt⁽¹⁾, đã không thể thiếu được trong đời sống tôn giáo và thường ngày của dân tộc Việt Nam. Gần đây, đạo Kitô, nhất là bộ phận Công giáo, cũng đang có xu thế hội nhập văn hóa dân tộc, muốn tạo nên một dòng văn hóa Công giáo trong lòng con sông văn hóa Việt Nam, điều mà các tôn giáo ngoại nhập kể trên đã thực hiện được. Đó là điều cần khuyến khích.

Thông thường, trong xã hội tiền công nghiệp, các chức sắc tôn giáo là những người có tri thức trong nhân dân, am hiểu không chỉ những tri thức trong lĩnh vực chuyên môn của mình, mà còn hiểu rộng nhiều lĩnh vực khác trong đời sống. Họ là người được xã hội tôn trọng. Ví như các ông *pdâu* ở các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên, các ông (bà) *tào, mo, then, pụt* ở các cư dân miền núi Miền Bắc, các nho sĩ,

*. GS, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Kim Định. *Cơ cấu Việt Nho. Nguồn Sáng*. Sài Gòn, 1973 và các tác phẩm khác; Trần Ngọc Thêm. *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. Nxb Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 1997.

các nhà sư, các linh mục, giám mục, nhất là xưa và cả hiện nay. Những chức sắc tôn giáo thường không chỉ nắm thần quyền, mà còn là chỗ dựa của người dân khi tham vấn những chuyện ngoài xã hội. Họ thường là những người thông hiểu luật tục, văn hóa nhất là văn học, nghệ thuật, thiên văn, địa lí và về y học. Các ông *mo*, *then*, *tào*, *pụt* trên miền ngược hay các sư vải các chùa làng xưa đều am hiểu các tri thức trên. Chùa làng thường là nơi các nhà sư bốc thuốc cho dân hay xem mô mả, phong thủy, địa lí. Ông đồ nho xưa cũng vậy.

Những hoạt động tôn giáo thường không bó hẹp trong việc hành lễ, giảng đạo, mà thường kèm theo các hoạt động văn hóa nghệ thuật, các trò chơi, biểu diễn, du hí, nhằm thu hút quần chúng và làm rôm rả các hoạt động tôn giáo. Một hội làng, một buổi lên chùa, một chuyến hành hương, một rước lễ tôn giáo là một phức hợp văn hóa vừa mang tính tôn giáo, vừa mang tính thế tục. Đó là không kể trong bản thân nội dung giáo lí các tôn giáo chứa đựng những lời khuyên răn mang tính đạo đức, những phép ứng xử, những lối sống, những quy tắc trong quan hôn, tang tế. Người dân tiếp nhận, đã chuyển hoá tất cả theo tâm thức của bản thân, hay nói đúng hơn theo lối bình dân, để chúng trở thành một triết lí sống, một hành vi mang tính xã hội.

Tất cả những điều trên đã tạo nên một trường văn hóa tôn giáo ảnh hưởng đến cộng đồng dân tộc. Vậy nên, ta không lấy gì làm lạ, khi xưa, người ta hay cho dân tộc Việt Nam là dân tộc đượm màu sắc của Tam giáo: Nho, Phật, Đạo. Thật vậy, những khái niệm triết lí cao siêu của ba tôn giáo đã đi sâu vào lòng người không dễ gì xoá bỏ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đã khéo léo sử dụng những điều các bậc thánh hiền đã dạy, thay đổi để thích nghi với thời đại, với cách mạng. Sang đến thời công nghiệp, khi vai trò tôn giáo đã bị thu hẹp lại không còn ảnh hưởng đến mọi hoạt động xã hội, thời ta vẫn thấy về phương diện văn hóa, tác động của tôn giáo vẫn còn đáng kể. Muốn khai thác những cái hay, cái đẹp của tôn giáo, không gì rõ rệt hơn là về phương diện văn hóa.

Cũng cần nói thêm rằng, những người thuộc tín ngưỡng tôn giáo này dễ cảm nhận những cái hay (cũng như cái dở) trước hết là về phương diện văn hóa của một tín ngưỡng tôn giáo khác. Họ dễ cộng cảm để tìm ở đó một sự gặp gỡ chung đáng trân trọng. Việc mọi con người Việt Nam, không phân biệt tôn giáo, đồng tình với phong trào trở về với dân tộc: thờ tổ tiên, viết gia phả, tu sửa nhà thờ họ, nghĩa trang, chấn hưng các hội làng, tổ chức ngày Giỗ tổ Hùng Vương, cũng như mặc nhiên công nhận các ngày lễ lớn của các tôn giáo: Lễ Giáng sinh, Tết Dương lịch, lễ Phục sinh... cũng như lễ Phật đản và các ngày lễ cách mạng: Ngày tuyên bố Độc lập, 19 - 12, 30 - 4... là một thực tế.

Mọi người đều không bằng lòng với những hiện tượng tiêu cực gần đây trong các hoạt động tôn giáo, muốn cho các hoạt động đó được trong sáng, đúng đắn, không bị ảnh hưởng của một thế lực chính trị, cũng như không bị vấy bùn vì đồng tiền hôi hám, muốn các hoạt động đó được lành mạnh, không rơi vào chỗ mê tín, hủ tục. Tinh thần "sư ra sư, chùa ra chùa" có thể áp dụng với tất cả các tôn giáo. Ở từng tôn giáo, cần quy định các kinh sách, các bài thuyết giảng, các dịp lễ hội cho đúng quy cách.

Hoạt động tôn giáo nước ta vẫn còn mang tính tiểu nông, nặng về lễ thức, nhẹ về giáo lí, lãng phí tiền bạc, thời gian, dễ rơi vào chỗ mê tín, hủ tục. Đó là điều lo lắng của mọi người. Làm trong sạch, lành mạnh hoá các hoạt động tôn giáo là việc làm của toàn Đảng, toàn dân. Đó là một việc làm lâu dài cần thuyết phục bằng phương pháp giáo dục, đôi khi cũng phải bằng luật pháp. Cần sự kiên trì giáo dục với những biện pháp mềm dẻo đối với những hành vi mê tín, hủ tục. Tính tiểu nông chỉ mất đi khi xã hội công nghiệp trở thành hiện thực, với một nhịp độ cuộc sống gia tăng, thời gian được tiết kiệm, tiền tài được chi phí hợp lí, nhất là khi dân trí được nâng cao.

Trước những cái "mới" từ xã hội công nghiệp phát triển, trong đời sống tôn giáo, rất cần cảnh giác dưới góc độ văn hóa với những "hiện tượng tôn giáo mới", đa phần là phản văn hóa, phản nhân văn. Ở đây những người cầm đầu lợi dụng lòng nhẹ dạ, cả tin nhất là ở những tầng lớp ít học, sự bất mãn hoặc tâm lí của những người tự gạt mình ra khỏi cộng đồng, để tập hợp họ lại, gây nhiễu cho xã hội. Cũng cần cảnh giác tâm lí tự ti cho là những tôn giáo tín ngưỡng của bản thân là "lỗi thời" không hợp "mốt" thời đại dẫn đến chỗ sa ngã vào những tôn giáo ngoại sinh xa lạ.

Ở đây có 3 tính chất cần phân biệt, tuy nhiên khó tách bạch rạch ròi trong các hoạt động tôn giáo:

1. Những hoạt động thuần túy mang tính tôn giáo. Với những hoạt động này cần tôn trọng. Làm sao giữ được sự trong sáng, kinh kệ dễ hiểu và rõ ràng⁽²⁾, các nghi thức đỡ rườm rà. Tránh ngu dân trong tôn giáo.

2. Những hoạt động hướng thế tục mà bất cứ tôn giáo nào cũng thực hiện. Đó là những hoạt động xã hội, giáo dục, y tế, từ thiện... Những hoạt động này cần được khuyến khích và nên được tổ chức theo sự hướng dẫn của các ngành có liên quan, với sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc.

3. Những hoạt động có tính lợi dụng tôn giáo vì động cơ cá nhân (danh lợi), vì mục đích kinh tế (quyên góp, kinh doanh bất chính, tham nhũng...); thậm tệ nhất vì mục đích chính trị, vi phạm Hiến pháp và pháp luật. Đó là những hoạt động cần tránh.

Hai hoạt động trên về bản chất mang tính văn hóa, nhưng cũng không tránh khỏi có lúc có nơi bị "chính trị hoá" do việc lợi dụng tính cuồng tín của quần chúng tín đồ và việc gắn kết những hoạt động văn hóa, xã hội của các tổ chức tôn giáo vào những tham vọng chính trị.

Cuối cùng, muốn giải quyết vấn đề tôn giáo dưới góc độ văn hóa, giáo dục đóng một vai trò quan trọng. Phải chăng cần đưa những tri thức tôn giáo thông qua các bộ môn khoa học xã hội và nhân văn vào cấp trung học nhằm giúp các học sinh hiểu được rõ trên đại thể tôn giáo là gì và thái độ của Đảng và Nhà nước với vấn đề tôn giáo. Cần giảng dạy tri thức tôn giáo như một bộ môn trong các ngành, các lớp ở cấp đại học, kể cả các ngành khoa học tự nhiên. Cần lưu hành những cuốn sách phổ thông giới thiệu các tôn giáo, thái độ đối với các tôn giáo, của các tôn giáo với dân tộc cho toàn dân.

2. Ở các chùa hiện lưu hành những bộ kinh đọc bằng cách phiên âm Hán - Việt. Người tụng kinh và người nghe đều chưa chắc đã hiểu hết ý nghĩa. Điều này các chùa cần suy nghĩ cải tiến.

Như vậy, với trình độ hiểu biết về tôn giáo, người dân mới có được một thái độ đúng đắn trong thái độ ứng xử của mình với tôn giáo, tìm thấy ở tôn giáo những điều cần thiết, hướng Thiện và cũng xa lánh được những biểu hiện tiêu cực trong đời sống tôn giáo, đặc biệt là những điều mê tín, hủ tục, những hiện tượng tôn giáo có tính chất phản văn hóa.

5. GIẢI QUYẾT TỐT VẤN ĐỀ TÔN GIÁO LÀ PHẢI CHỐNG VIỆC LỢI DỤNG TÔN GIÁO VÀO MỤC ĐÍCH CHÍNH TRỊ

Chủ trương tách tôn giáo ra khỏi Nhà nước, khỏi nhà trường, coi tôn giáo là việc riêng tư còn nhằm một mục đích ngăn cản Nhà nước và Nhà thờ kết hợp với nhau để dùng con bài tôn giáo vào những âm mưu chính trị. Thế tục hoá thể chế Nhà nước, tạo điều kiện cho các tôn giáo được tự do hành đạo, không bị các thế lực chính trị chi phối; ngược lại các thế lực tôn giáo khác nhau cũng không tác động vào công việc của Nhà nước. Đó là bài học rút ra từ những sự kiện lịch sử dưới chế độ phong kiến Châu Âu; đó cũng là bài học rút ra từ những thế kỉ mà chủ nghĩa thực dân xâm chiếm và cai trị nước ta, của hai cuộc kháng chiến vừa qua, ở đây thực dân Pháp và đế quốc Mỹ tích cực lợi dụng các tôn giáo trong âm mưu chống phá cách mạng và ngược lại, một bộ phận tổ chức tôn giáo núp dưới bóng của quân xâm lược làm "nhớ bản" đạo của bản thân.

Trong giai đoạn hiện nay, những thế lực chống đối ở trong nước và ngoài nước chưa từ bỏ lợi dụng con bài tôn giáo để làm mất ổn định chính trị, gây hoang mang, chia rẽ trong khối Đại đoàn kết dân tộc. Do vậy, việc chống lại sự lợi dụng tôn giáo vào mục

đích chính trị chống phá Tổ quốc vẫn cần đặt ra. Trong Chỉ thị 37/ BCT cũng như trong Nghị định số 26/1999/NĐ - CP đã ban hành đều ghi rõ vấn đề này. Thực vậy, như bất cứ tổ chức chính trị, xã hội nào khác, các tổ chức tôn giáo cũng không thể có một hành vi lợi dụng hoạt động tôn giáo để làm mất trật tự an toàn xã hội, phương hại đến nền độc lập dân tộc, phá hoại chính sách đoàn kết toàn dân, chống lại Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, mà phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

Ở đây cần có sự phân biệt rõ ràng giữa bản thân tôn giáo và những kẻ lợi dụng tôn giáo. Với từng tôn giáo, Nhà nước tôn trọng niềm tin trong sáng của các tín đồ, những việc làm tốt đẹp của các tôn giáo, nhưng không thể không phê phán những mê tín, hủ tục nằm trong tôn giáo, cũng như những hành vi bất chính phản nước, hại dân của một số tổ chức tôn giáo. Hồ Chí Minh là tấm gương tốt trong việc này. Lời thú nhận của Sainteny, người đại diện cho chính phủ Pháp những năm 1945 - 1947 ở Việt Nam, người đối thoại với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã nhận thấy ở Hồ Chí Minh không có "một dấu vết nào, dù rất nhỏ, của sự công kích, đa nghi, hoặc chế điều đối với một tôn giáo bất kì nào", mặc dù Người luôn công kích những hành vi của những người đứng đầu Nhà nước, của các tổ chức tôn giáo, lợi dụng tôn giáo vào mục đích chính trị. Thái độ của Chủ tịch Hồ Chí Minh là dứt khoát về nguyên tắc, nhưng lại đầy sự khoan dung. Đó là điều cần thiết mà các học trò của Người cần có trong giai đoạn hiện nay.

Vấn đề là cần làm rõ sự phân biệt trên, và khi đã rõ, thời không thể vì lo sợ vi phạm chính sách mà hữu khuynh với những kẻ

xấu ở trong cũng như ngoài nước lợi dụng tôn giáo vào mục đích chính trị, vì đó là hành động chia rẽ khối Đại đoàn kết toàn dân, là hành động tiếp tay cho kẻ thù, ảnh hưởng đến sự mất còn của đất nước. Đồng thời, cũng cần thông cảm với các tín đồ, có thái độ khoan dung, mềm mỏng với họ, nhiều khi vô tình do không hiểu biết mà bị kẻ xấu lợi dụng; cũng cần xoá bỏ dần những mặc cảm không đúng đắn của quần chúng theo đạo, để làm sao cho họ thật hiểu chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước là nhất quán, trước sau như một, và chính cũng là bảo vệ sự trong sáng của tôn giáo mà họ tin theo và cho chính bản thân họ.

Trong hoàn cảnh đất nước có nhiều tôn giáo, đa dạng về tổ chức, khác nhau về số lượng, việc đối xử bình đẳng đối với các tôn giáo, bỏ qua quá khứ, hướng về tương lai là việc nên làm. Không thể và không nên có suy nghĩ và hành động gì cho thấy sự thiên vị đối bất kỳ một tôn giáo nào. Vị trí của từng tôn giáo trong đời sống nhân dân là do

chính quần chúng nhân dân định đoạt. Họ gửi niềm tin vào đâu là tùy theo sự suy nghĩ của họ. Chỉ có một điều cần kiên trì giáo dục, khi họ bị lừa dối, mê hoặc, làm những điều vi phạm Hiến pháp, pháp luật.

Sự trở lại với tôn giáo trong thời gian gần đây là một xu thế có thể chấp nhận. Người lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, cũng như của các tổ chức tôn giáo cần hướng các tôn giáo vào sự trong sáng, trí tuệ. Có như thế tôn giáo mới lành mạnh, vì dân tộc, vì nhân loại, mới phù hợp với tinh thần của Chỉ thị 37 của Bộ Chính trị, tìm thấy ở tôn giáo những điều phù hợp với đạo đức xã hội chủ nghĩa. Ngược lại, nếu thiếu sự quan tâm đúng mức, các hoạt động tôn giáo sẽ rơi vào những điều thiếu đạo đức, buôn thần bán thánh, mê hoặc quần chúng, thậm chí để kẻ xấu lợi dụng vào mục đích chính trị đen tối, dẫn đến sự suy thoái của tôn giáo. Tính thiêng liêng, thanh khiết của các tôn giáo sẽ bị giảm sút. Đó là trách nhiệm của các ban ngành quản lý tôn giáo, cũng là trách nhiệm của các tổ chức tôn giáo./.